

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 22 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tuấn.

Ông Huỳnh Ngọc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17.1/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Trần Quang L; sinh ngày: 10/7/1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường V, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: ấp C, Quốc lộ B, xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Công H và bà: Trần Thị H; có vợ: Vũ Thị Phương A và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011); tiền án: 01 (ngày 15/12/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về hai tội “Mua bán trái phép chất ma túy, Cướp giật tài sản của công dân” theo bản án số 3260/HSST); tiền sự: không; nhân thân: (ngày 15/3/1997 bị Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân” và giao về địa phương quản lý, giáo dục); bị bắt và tạm giam ngày: 28/9/2017.

2/ Trần Đức L1; sinh ngày: 12/11/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường V, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: đường H, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ hớt

tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Công H và bà: Trần Thị H; có vợ: Phan Thị Mỹ H và 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị bắt và tạm giam ngày: 28/9/2017 đến ngày 12/02/2018 được tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt).

-Bị hại:

Ông Nguyễn Duy T – Sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Thường trú: đường T, Phường C, quận B, TP.HCM.

Trú tại: đường K, phường T, quận P, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Duy T và Trần Quang L có mâu thuẫn từ trước và anh T có hăm dọa chém L nếu gặp mặt. Tối ngày 27/02/2017, Trần Quang L rủ Trần Đức L1 đi chém anh T, L1 đồng ý, L1 điều khiển xe mô tô hiệu Dylan (không rõ biển số, mượn của một người bạn không rõ lai lịch) chở L ngồi phía sau; khi xe chạy đến nhà số 29/44/10 đường Bắc Hải, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì L lấy một cây mã tấu dài khoảng 80cm cầm trên tay và hai con dao dài khoảng 30cm để phía trước gác chân xe đi chém anh T; L1 tiếp tục chở L chạy xe mô tô trên đường Bắc Hải, Phường 15, Quận 10 theo hướng từ Cách Mạng Tháng Tám về đường Thành Thái. Lúc này, L nhìn thấy anh T điều khiển xe mô tô chở chị Nguyễn Thị H (không rõ lai lịch) ngồi phía sau đi chiều ngược lại; L nói L1 quay đầu xe đuổi theo xe anh T; phát hiện bị truy đuổi, anh T điều khiển xe bỏ chạy; khi đến trước nhà số 21B đường Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, xe anh T bị té ngã xuống đường; L nhảy xuống xe rút cây mã tấu cầm tay trái chém về phía ngực anh T; còn L1 cầm hai con dao ở hai tay xông vào chém anh T vào tay trái, phải và bàn tay trái anh T (sự việc được camera ghi lại toàn bộ vụ việc); sau đó, L và L1 chạy thoát; anh T được quần chúng nhân dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện 115.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 471/TgT.17 ngày 08/6/2017 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích đối với anh Nguyễn Duy T như sau:

- Vết thương ngực trái, thấu ngực gây: Gãy cung trước xương sườn 7, tràn khí, tràn máu màng phổi trái đã được điều trị dẫn lưu màng phổi, khâu vết thương hiện còn: Sẹo kích thước 10,2x0,4cm và 2,1x0,7cm tại mạn sườn trái. Hình ảnh dày dính màng phổi, xơ phổi trên phim MSCT ngực.

- Đa vết thương phần mềm, đã được điều trị, hiện còn: Một sẹo kích thước 4,7x (0,3-0,7)cm tại mặt sau ngoài 1/3 dưới cánh tay trái. Một sẹo kích thước 4x0,1 cm tại mặt trước cổ tay phải bên quay. Một sẹo kích thước 6x0,2cm tại

ngón III; Một sọc kích thước 2x0,1cm tại ngón IV; Hai sọc kích thước 1,3x0,1cm và 2x0,1cm tại ngón V của bàn tay trái.

Tình trạng ổn định

- Thương tích tại ngực trái do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.
- Các thương tích tại cánh tay trái, cổ tay phải và các ngón của bàn tay trái do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 35%.

Ngày 10/3/2017, anh Nguyễn Duy T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Quang L và Trần Đức L1. Ngày 20/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 quyết định khởi tố điều tra đối với Trần Quang L và Trần Đức L1 về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Quá trình điều tra, L và L1 đã khai nhận hành vi như đã nêu trên và tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 45.000.000 đồng. Ngày 13/8/2017, anh T rút yêu cầu khởi tố đối với L và L1; sau đó làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho L và L1.

Đối với: 01 cây mã tấu dài 80cm và 02 con dao dài 30cm, L và L1 đã vứt bỏ khi tẩu thoát, không thu hồi được.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Dylan, không rõ biển số, theo L1 khai mượn của một người bạn không rõ lai lịch và đã trả lại; nên cũng không có cơ sở để thu hồi và xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Trần Quang L, Trần Đức L1 về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Trần Quang L, Trần Đức L1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại; sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Quang L và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho phía bị hại, phía bị hại đã làm đơn không yêu cầu khởi tố, xin giảm nhẹ hình phạt); đã đề nghị áp dụng

điểm c khoản 3 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: bị cáo Trần Quang L: từ 05 năm đến 06 năm tù, bị cáo Trần Đức L1: từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: không có gì để Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của các bị cáo: không có gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Quang L, Trần Đức L1 và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người bị hại, người làm chứng, nội dung ghi hình camera, bản kết luận giám định, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Trần Quang L, Trần Đức L1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Chỉ vì sự suy nghĩ cá nhân về mâu thuẫn nhỏ với bị hại, các bị cáo đã thống nhất ý chí hành động, thực hiện hành vi ngang nhiên dùng dao, mã tấu

(vật sắc, nhọn, có cạnh sắc) cố ý trực tiếp gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên hiện tại là: 35%, nên thể hiện tính chất côn đồ của các bị cáo, chiếu theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này là sử dụng hung khí nguy hiểm; như vậy các bị cáo phạm tội trong trường hợp sử dụng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ, gây ra thương tích cho người bị hại là 35%; đồng thời hành vi của các bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; nhưng theo quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định về khung hình phạt có lợi cho các bị cáo; do vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) các bị cáo bị truy tố và xét xử tương ứng theo điều khoản tương quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời còn xâm phạm đến sức khỏe của công dân; trong vụ án này, bị cáo L là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, rủ rê và trực tiếp gây thương tích cho bị hại, bị cáo L1 là đồng phạm giúp sức trong việc cung cấp phương tiện chở L đi gây thương tích và giúp sức tích cực cho L; Do vậy dù có chiếu đến đâu đi nữa, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: ngoài ra bị cáo L còn có đặc điểm nhân thân không tốt, cụ thể như sau: ngày 15/3/1997 bị Công an quận tân Bình Thành phố Hồ Chí bắt giữ về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân” và giao về địa phương quản lý, giáo dục, ngày 15/12/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về hai tội “Mua bán trái phép chất ma túy, Cướp giật tài sản của công dân”, bị cáo đã bị kết án về các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ:

Tuy nhiên xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho phía bị hại, phía bị hại đã làm đơn không yêu cầu khởi tố, xin giảm nhẹ hình phạt; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo; đồng thời căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo L1 trong vụ án; Hội đồng xét xử quyết định áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử bị cáo L1 mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với trường hợp của bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: không có gì để Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Quang L, Trần Đức L1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 3 Điều 134; khoản 2 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Quang L;

Xử phạt bị cáo Trần Quang L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2017.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Đức L1;

Xử phạt bị cáo Trần Đức L1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án phạt tù, trừ đi thời gian bị bắt và tạm giam từ ngày 28/9/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.
- Bị cáo L1 chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Triệu Luật